

THÔNG TƯ

Quy định quản lý thực hiện Đề án “Thí điểm cơ chế đối tác công - tư, đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26/02/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Thực hiện Quyết định số 1931/QĐ-TTg ngày 07/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Thí điểm cơ chế đối tác công - tư, đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”;

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định quản lý thực hiện Đề án “Thí điểm cơ chế đối tác công - tư, đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định quản lý thực hiện Đề án “Thí điểm cơ chế đối tác công - tư, đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1931/QĐ-TTg ngày 07 tháng 10 năm 2016.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, các doanh nghiệp, các định chế tài chính và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chương trình khoa học và công nghệ thực hiện thí điểm theo cơ chế đối tác công - tư, đồng tài trợ* (sau đây viết tắt là chương trình PPP) là nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thí điểm triển khai dưới hình thức tập hợp các đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm, dự án khoa học và công nghệ (gọi chung là đề tài, dự án) do các đối tác công và đối tác tư cùng nhau xác định, ký

hợp đồng đối tác công - tư thực hiện và khai thác, sử dụng các kết quả tạo ra;

2. *Đề án khung chương trình PPP* là thuyết minh tổng thể chương trình PPP do các đối tác công, đối tác tư và các bên liên quan khác cùng nhau xây dựng;

3. *Hợp đồng đối tác công - tư* là thỏa thuận tự nguyện bằng văn bản, không ràng buộc về pháp lý, được các đối tác công và đối tác tư ký kết để hình thành quan hệ đối tác thành lập và triển khai thực hiện chương trình PPP;

4. *Đối tác công* là các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là bộ, ngành, địa phương), các định chế tài chính hoạt động chủ yếu bằng ngân sách nhà nước tham gia chương trình PPP;

5. *Đối tác tư* là doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam;

6. *Cơ quan đầu mối quản lý chuyên môn* là cơ quan được Bộ Khoa học và Công nghệ giao nhiệm vụ làm đầu mối chủ trì, phối hợp với các bên liên quan xây dựng đề án khung chương trình PPP và thực hiện các thủ tục phục vụ phê duyệt đề án khung chương trình PPP; hỗ trợ các bên liên quan tiến hành xây dựng, thống nhất ký kết hợp đồng đối tác công - tư;

7. *Tổ chức chủ trì đề tài, dự án thuộc chương trình PPP* (sau đây viết tắt là tổ chức chủ trì) là các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thực hiện việc xây dựng, triển khai đề tài, dự án thuộc chương trình PPP.

Điều 3. Cơ chế thí điểm để triển khai chương trình PPP

1. Các đề tài, dự án thuộc chương trình PPP được đối tác công, đối tác tư và các bên liên quan khác cùng nhau xác định theo nhóm để phối hợp giải quyết vấn đề khoa học và công nghệ của chương trình PPP.

2. Nguồn lực thực hiện đề tài, dự án thuộc chương trình PPP được huy động từ nhiều nguồn khác nhau do đối tác công và đối tác tư quản lý theo thẩm quyền.

3. Kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện đề tài, dự án thuộc chương trình PPP được quản lý theo quy định của các nguồn kinh phí thuộc bộ, ngành, địa phương và các chương trình, định chế tài chính trực tiếp đóng góp nguồn lực tham gia chương trình PPP với việc áp dụng nội dung, định mức và phương thức chi thuận lợi nhất được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật tương ứng.

Điều 4. Tiêu chí xây dựng chương trình PPP

1. Giải quyết những vấn đề có vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành, nhóm ngành kinh tế; phát triển các lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên; góp phần giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội cấp thiết.

2. Sản phẩm khoa học và công nghệ tạo ra từ chương trình PPP phục vụ một trong các định hướng lớn sau: phát triển hướng công nghệ ưu tiên; phát triển các sản phẩm trọng điểm, chủ lực của quốc gia hoặc phục vụ chương trình mục tiêu quốc gia; phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trong một hoặc một số lĩnh vực giai đoạn 05 năm hoặc 10 năm. Kết quả dự kiến đạt được phải thể hiện tính mới, tính tiên tiến, có khả năng ứng dụng và phù hợp với các mục tiêu của chương trình PPP.

3. Nội dung của chương trình PPP bao gồm các đề tài, dự án có quan hệ với nhau và phù hợp với nguồn lực khoa học và công nghệ của đối tác công và đối tác tư.

4. Đối tác công và đối tác tư đóng góp nguồn lực bao gồm nguồn nhân lực, tài chính và các nguồn lực khác để thực hiện đề tài, dự án thuộc chương trình PPP, trong đó đối tác tư cam kết đóng góp nguồn lực không dưới 40% tổng nguồn lực của các bên cam kết dành thực hiện chương trình PPP.

Điều 5. Mã số đề tài, dự án thuộc chương trình PPP

Mã số đề tài, dự án thuộc chương trình PPP được ghi như sau:

PPPN.NC(NT/CT/QL).XX-YY. Trong đó:

1. PPPn là ký hiệu chung cho đề tài, dự án thuộc chương trình PPP thứ n;
2. NC là ký hiệu đề tài, dự án được thực hiện bằng 100% nguồn lực của đối tác công;
3. NT là ký hiệu đề tài, dự án được thực hiện bằng 100% nguồn lực của đối tác tư;
4. CT là ký hiệu đề tài, dự án được thực hiện bằng nguồn lực chung của cả đối tác công và đối tác tư;
5. QL là ký hiệu đề tài, dự án phục vụ công tác quản lý, tổ chức, triển khai thực hiện chương trình PPP;
6. XX là ký hiệu 2 chữ số ghi thứ tự của đề tài, dự án thuộc chương trình PPP thứ n;
7. YY là ký hiệu 2 chữ số cuối của năm bắt đầu thực hiện đề tài, dự án.

Chương II XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH PPP

Điều 6. Xây dựng đề án khung

1. Bộ, ngành, địa phương, các định chế tài chính, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, các tổ chức hợp tác phát triển song phương và đa phương, tổ chức, cá nhân khác (gọi chung là các bên) trao đổi, thống nhất cùng xây dựng đề xuất chương trình PPP mà các bên mong muốn và cam kết huy động nguồn lực cùng thực hiện. Đề xuất chương trình PPP thực hiện theo quy định tại Mẫu B1-ĐXCT-PPP Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này

và gửi đến Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Đầu mỗi tiếp nhận đề xuất chương trình PPP của Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện xác định sơ bộ về nội dung và lĩnh vực, đề xuất Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao cơ quan đầu mối quản lý chuyên môn phù hợp chủ trì, phối hợp với đại diện của đối tác công, đối tác tư và các bên liên quan quy định tại khoản 1 Điều này nghiên cứu, xây dựng đề án khung chương trình PPP theo quy định tại Mẫu B2-ĐAK-PPP Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Thành lập hội đồng tư vấn

1. Cơ quan đầu mối quản lý chuyên môn tiến hành các thủ tục thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá đề án khung chương trình PPP (sau đây viết tắt là hội đồng tư vấn), trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định.

2. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá đề án khung chương trình PPP theo đề xuất của cơ quan đầu mối quản lý chuyên môn.

Điều 8. Thành phần hội đồng tư vấn

1. Hội đồng tư vấn có 09 thành viên, bao gồm chủ tịch, phó chủ tịch và các thành viên. Cơ cấu hội đồng tư vấn gồm 04 thành viên là các chuyên gia khoa học và công nghệ trong lĩnh vực tương ứng, 05 thành viên là các chuyên gia kinh tế, chuyên gia quản lý có kinh nghiệm thuộc cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, các tổ chức khác thuộc các ngành, lĩnh vực tương ứng của chương trình PPP. Hội đồng tư vấn có ít nhất 02 thành viên có chuyên môn sâu làm chuyên gia phản biện.

2. Trường hợp đặc biệt do tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù của việc đánh giá đề án khung chương trình PPP, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định số lượng thành viên và thành phần hội đồng tư vấn khác với quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 9. Phương thức làm việc của hội đồng tư vấn

1. Phiên họp của hội đồng tư vấn phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của hội đồng tư vấn, trong đó phải có chủ tịch hoặc phó chủ tịch được ủy quyền nếu chủ tịch vắng mặt, các chuyên gia phản biện và có đủ ý kiến nhận xét và đánh giá đề án khung chương trình PPP của các thành viên vắng mặt theo quy định tại Mẫu B1-ĐAK-TVHĐ Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Đại diện các đối tác công, đối tác tư tham gia xây dựng đề án khung chương trình PPP được mời tham dự phiên họp của hội đồng tư vấn để trao đổi, thảo luận.

2. Thành viên hội đồng tư vấn có trách nhiệm:

a) Nghiên cứu đề án khung chương trình PPP, tài liệu liên quan do Bộ Khoa học và Công nghệ cung cấp, chuẩn bị ý kiến nhận xét và đánh giá đề án khung chương trình PPP theo quy định tại Mẫu B1-ĐAK-TVHĐ Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Các chuyên gia phản biện có trách nhiệm nhận xét, phản biện, đóng góp

ý kiến, đề xuất chỉnh sửa, bổ sung nội dung cho đề án khung chương trình PPP để thảo luận trong phiên họp của hội đồng.

3. Tài liệu được gửi đến các thành viên hội đồng tư vấn ít nhất 05 ngày làm việc trước phiên họp của hội đồng, bao gồm:

- a) Đề án khung chương trình PPP và phụ lục kèm theo (nếu có);
- b) Trích lục quy định tại các Điều 4, 10 và Điều 11 Thông tư này;
- c) Các biểu mẫu liên quan ban hành kèm theo Thông tư này phục vụ phiên họp của hội đồng tư vấn;
- d) Tài liệu chuyên môn liên quan khác (nếu có).

4. Hội đồng tư vấn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Các ý kiến kết luận của hội đồng tư vấn được thông qua khi có ít nhất 3/4 số thành viên của hội đồng tư vấn nhất trí bằng hình thức bỏ phiếu (thành viên vắng mặt thì căn cứ vào ý kiến nhận xét và đánh giá đề án khung chương trình PPP đã được gửi trước).

5. Bộ Khoa học và Công nghệ cử thư ký hành chính giúp việc chuẩn bị tài liệu và tổ chức các phiên họp của hội đồng tư vấn. Thư ký hành chính không phải là thành viên của hội đồng tư vấn.

Điều 10. Trình tự, thủ tục làm việc của hội đồng tư vấn

1. Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập hội đồng tư vấn và số thành viên vắng mặt tại phiên họp của hội đồng tư vấn.

2. Đại diện Bộ Khoa học và Công nghệ tóm tắt các yêu cầu đối với hội đồng tư vấn.

3. Chủ tịch hoặc phó chủ tịch hội đồng tư vấn được uỷ quyền chủ trì phiên họp của hội đồng tư vấn.

4. Hội đồng tư vấn bầu một thành viên làm thư ký khoa học để ghi chép các ý kiến thảo luận và lập biên bản các phiên họp của hội đồng tư vấn.

5. Hội đồng tư vấn bầu Ban kiểm phiếu để tổng hợp ý kiến của các thành viên hội đồng tư vấn.

6. Chuyên gia phản biện và các thành viên hội đồng tư vấn thảo luận theo nội dung làm việc của hội đồng tư vấn quy định tại Thông tư này. Thư ký hành chính đọc ý kiến nhận xét và đánh giá của các thành viên vắng mặt (nếu có).

7. Các thành viên hội đồng tư vấn tiến hành đánh giá, bỏ phiếu đánh giá đề án khung chương trình PPP theo quy định tại Mẫu C1-ĐAK-PĐG Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

a) Đối với mỗi phiếu đánh giá, đề án khung chương trình PPP được đề nghị thực hiện khi phiếu đánh giá ghi “đề nghị thực hiện” và đề nghị không thực hiện khi phiếu đánh giá ghi “đề nghị không thực hiện”.